

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 42/SAVINA/CV/2022

V/v: Công bố thông tin BCTC giữa niên độ
năm 2022

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

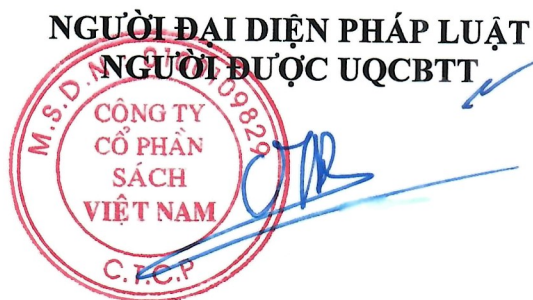
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiến Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: BCTC giữa niên độ năm 2022 đã kiểm toán
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

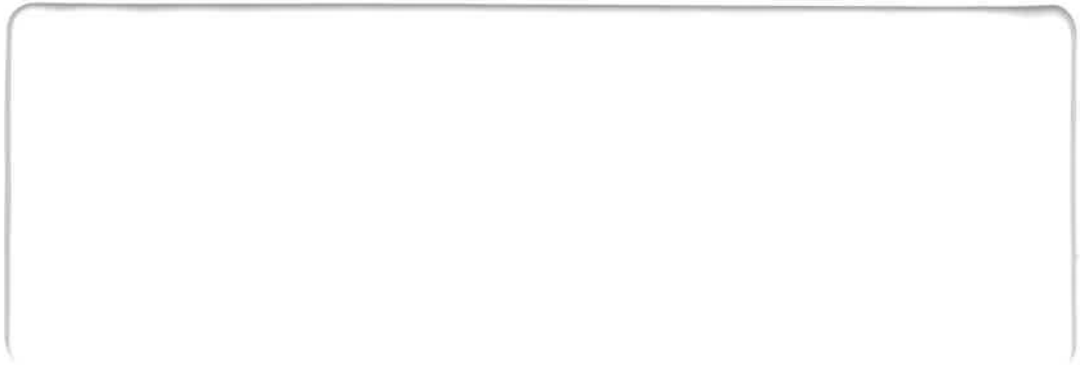
Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT



CAO TIẾN BÌNH



Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 35

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên
Ông Trần Lê Phương	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Mai	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cao Tiến Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cao Tiến Bình, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61306203/22965238/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 11 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		921.981.883.817	903.661.274.509
110	I. Tiền	5	3.244.914.992	993.081.581
111	1. Tiền		3.244.914.992	993.081.581
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	139.000.000.000	148.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		139.000.000.000	148.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		772.716.950.325	747.340.472.787
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.952.075.482	1.822.222.757
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	1.024.197.255	413.333.333
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	550.000.000.000	550.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	219.775.381.430	195.139.620.539
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(34.703.842)	(34.703.842)
140	IV. Hàng tồn kho	10	6.981.517.030	6.810.203.237
141	1. Hàng tồn kho		8.273.036.495	8.101.722.702
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.291.519.465)	(1.291.519.465)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		38.501.470	17.516.904
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		38.501.470	17.516.904
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		23.589.978.733	24.081.805.281
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		135.000.000	135.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	135.000.000	135.000.000
220	II. Tài sản cố định		4.067.152.806	5.471.193.814
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.067.152.806	5.471.193.814
222	Nguyên giá		18.310.069.546	21.195.260.896
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.242.916.740)	(15.724.067.082)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(231.467.000)	(231.467.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	8.663.491.267	7.765.663.047
231	1. Nguyên giá		33.453.922.441	30.568.731.091
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(24.790.431.174)	(22.803.068.044)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	6.000.000.000	6.000.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		4.322.500.000	4.322.500.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15	4.322.500.000	4.322.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		401.834.660	387.448.420
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		401.834.660	387.448.420
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		945.571.862.550	927.743.079.790

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.164.026.447	9.338.941.015
310	I. Nợ ngắn hạn		9.265.026.447	8.414.941.015
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	5.080.949.774	4.429.698.864
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		128.750.231	18.468.884
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.689.161.307	2.224.620.133
314	4. Phải trả người lao động		-	461.212.641
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		211.160.000	262.762.500
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	955.941.631	945.077.993
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		199.063.504	73.100.000
330	II. Nợ dài hạn		899.000.000	924.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		899.000.000	924.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		935.407.836.103	918.404.138.775
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	935.407.836.103	918.404.138.775
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	3. Cổ phiếu quỹ		(160.500.000)	(160.500.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		184.647.584.519	167.643.887.191
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		167.643.887.191	134.899.672.226
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		17.003.697.328	32.744.214.965
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		945.571.862.550	927.743.079.790



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Cao Tiên Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	14.755.211.297	12.752.329.927
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	14.755.211.297	12.752.329.927
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(8.084.702.075)	(7.665.055.588)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.670.509.222	5.087.274.339
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	27.268.208.189	27.657.361.277
22	7. Chi phí tài chính		-	(18.695.761)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	(2.898.854.461)	(3.111.933.814)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(9.775.177.263)	(10.165.812.691)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.264.685.687	19.448.193.350
31	11. Thu nhập khác		26.777.659	50.056.235
32	12. Chi phí khác		(1.870.050)	-
40	13. Lợi nhuận khác		24.907.609	50.056.235
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.289.593.296	19.498.249.585
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(4.285.895.968)	(3.912.269.654)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.003.697.328	15.585.979.931
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	250	230
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	250	230

Nguyễn Thị Minh
Người lập

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		21.289.593.296	19.498.249.585
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	11, 12,13	506.212.788	928.411.032
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(27.258.093.622)	(27.649.525.166)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.462.287.538)	(7.222.864.549)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(809.568.609)	885.896.655
10	Tăng hàng tồn kho		(171.313.793)	(907.139.893)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		413.222.017	(873.362.150)
12	Tăng chi phí trả trước		(14.386.240)	(12.381.405)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(3.874.032.553)	(2.388.021.603)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(9.918.366.716)	(10.517.872.945)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(80.000.000.000)	(113.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		89.500.000.000	119.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.670.200.127	3.298.548.453
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.170.200.127	9.298.548.453
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.251.833.411	(1.219.324.492)
60	Tiền đầu kỳ		993.081.581	1.689.149.298
70	Tiền cuối kỳ	5	3.244.914.992	469.824.806



Nguyễn Thị Minh
Người lập





Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng

Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 56 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 59 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyên giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh sách và cho thuê bất động sản đầu tư. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến suy thoái kinh tế và tác động xấu đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành dịch vụ. Tình hình này có thể mang lại những bất ổn và tác động đến môi trường kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty đang liên tục theo dõi các diễn biến đang diễn ra và đánh giá tác động tài chính đối với việc định giá tài sản, các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau khi tình hình dịch tiếp tục diễn biến, sử dụng thông tin tốt nhất thu thập được tại ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

5. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	41.572.398	32.220.768
Tiền gửi ngân hàng	3.203.342.594	960.860.813
TỔNG CỘNG	3.244.914.992	993.081.581

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại bằng VND có kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu từ bán hàng hóa		
<i>Hiệu sách Thuật</i>	293.154.815	-
<i>Công ty Cổ phần Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm sách Fahasa Hà Nội</i>	181.610.520	55.689.720
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	218.164.076	330.685.685
Phải thu từ cho thuê văn phòng		
<i>Công ty Cổ phần In sách Việt Nam</i>	741.095.466	741.095.466
<i>Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ văn phòng Espace</i>	316.762.631	-
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý SSG</i>	154.210.971	150.000.000
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	47.077.003	544.751.886
TỔNG CỘNG	1.952.075.482	1.822.222.757
Dự phòng phải thu khó đòi	34.703.842	34.703.842
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	1.182.519.616	1.081.127.291
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	769.555.866	741.095.466

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khách hàng khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số dư đầu năm	34.703.842	15.333.334
- Trích lập dự phòng trong năm	-	19.370.508
Số dư cuối năm	34.703.842	34.703.842

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Trả trước cho người bán		
<i>- Trung tâm Dịch thuật Dịch vụ Văn hóa và Khoa học Công nghệ</i>	413.333.333	413.333.333
<i>- Các khoản trả trước khác</i>	13.731.922	-
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	597.132.000	-
TỔNG CỘNG	1.024.197.255	413.333.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với kỳ hạn ban đầu là 12 tháng, hưởng lãi suất 9%/năm và được đảm bảo bằng phần vốn góp của một chủ sở hữu của bên đi vay. Khoản cho vay này sau đó đã được gia hạn thêm 2 năm và sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2022.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu lãi cho vay (*)	218.026.027.398	-	193.479.452.055	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.690.186.636	-	1.648.868.484	-
Tạm ứng cho nhân viên	57.800.000	-	8.000.000	-
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.367.396	-	3.300.000	-
TỔNG CỘNG	219.775.381.430	-	195.139.620.539	-
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	135.000.000	-	135.000.000	-
TỔNG CỘNG	135.000.000	-	135.000.000	-

(*) Đây là khoản lãi phải thu phát sinh từ khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay và sẽ được thu hồi cùng gốc vay khi đáo hạn (Thuyết minh số 8).

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	5.299.758.466	(1.291.519.465)	5.198.459.469	(1.291.519.465)
Thành phẩm	2.868.236.181	-	2.838.786.699	-
Hàng ký gửi	105.041.848	-	64.476.534	-
Nguyên vật liệu	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	8.273.036.495	(1.291.519.465)	8.101.722.702	(1.291.519.465)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	1.291.519.465	1.014.027.319
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.291.519.465	1.014.027.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu kỳ	17.117.521.633	913.524.181	3.164.215.082	21.195.260.896
- Giảm khác	(2.885.191.350)	-	-	(2.885.191.350)
Số cuối kỳ	14.232.330.283	913.524.181	3.164.215.082	18.310.069.546
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	4.623.012.364	913.524.181	3.119.015.082	8.655.551.627
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu kỳ	11.671.941.161	913.524.181	3.138.601.740	15.724.067.082
- Khấu hao trong kỳ	159.712.872	-	4.519.998	164.232.870
- Giảm khác	(1.645.383.212)	-	-	(1.645.383.212)
Số cuối kỳ	10.186.270.821	913.524.181	3.143.121.738	14.242.916.740
Giá trị còn lại:				
Số đầu kỳ	5.445.580.472	-	25.613.342	5.471.193.814
Số cuối kỳ	4.046.059.462	-	21.093.344	4.067.152.806

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:	
Số đầu kỳ	231.467.000
Số cuối kỳ	231.467.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu kỳ	231.467.000
Số cuối kỳ	231.467.000
Giá trị còn lại:	
Số đầu kỳ	-
Số cuối kỳ	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Nhà cửa</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	27.247.468.212	3.321.262.879	30.568.731.091
- Tăng khác	<u>2.885.191.350</u>	<u>-</u>	<u>2.885.191.350</u>
Số cuối kỳ	<u>30.132.659.562</u>	<u>3.321.262.879</u>	<u>33.453.922.441</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>			
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu kỳ	19.481.805.165	3.321.262.879	22.803.068.044
- Tăng khác	1.645.383.212	-	1.645.383.212
- Khấu hao trong kỳ	<u>341.979.918</u>	<u>-</u>	<u>341.979.918</u>
Số cuối kỳ	<u>21.469.168.295</u>	<u>3.321.262.879</u>	<u>24.790.431.174</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	<u>7.765.663.047</u>	<u>-</u>	<u>7.765.663.047</u>
Số cuối kỳ	<u>8.663.491.267</u>	<u>-</u>	<u>8.663.491.267</u>

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần các tòa nhà tại số 44 Phố Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm; số 22B Phố Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm; Kho Bãi Chám tại Huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng, Phố Chùa Hà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội đang được Công ty sử dụng để cho thuê.

Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 do không có thị trường giao dịch cho các bất động sản này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dự án 22A Hai Bà Trưng (*)	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>

(*) Đây là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án bất động sản tại khu đất số 22A Phố Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</u>			<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</u>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị ghi sổ (i)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị ghi sổ (i)</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	4.322.500.000	-	4.322.500.000	4.322.500.000	-	4.322.500.000
TỔNG CỘNG	4.322.500.000	-	4.322.500.000	4.322.500.000	-	4.322.500.000

(i) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các cổ phiếu này chưa niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tính: VND

<i>Tên đơn vị</i>	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</u>	
	<i>Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)</i>	<i>Quyền biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)</i>	<i>Quyền biểu quyết (%)</i>
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	27,76	27,76	27,76	27,76

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104209630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2009. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 9 tháng 8 năm 2019. Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam có tổng số vốn điều lệ là 14,5 tỷ VND. Hoạt động chính của công ty này là in ấn. Công ty này có trụ sở chính tại tại số 22B, Phố Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Nhà xuất bản Kim Đồng	474.277.503	474.277.503	159.775.987	159.775.987
Công ty TNHH Một thành viên Văn hóa Đại Việt Á	-	-	500.000.000	500.000.000
Phải trả đối tượng khác	4.606.672.271	4.606.672.271	3.769.922.877	3.769.922.877
TỔNG CỘNG	5.080.949.774	5.080.949.774	4.429.698.864	4.429.698.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.162.153.723	4.285.895.968	(3.874.032.553)	2.574.017.138
Thuế thu nhập cá nhân	21.449.582	72.467.286	(72.467.286)	21.449.582
Thuế giá trị gia tăng	41.016.828	502.574.554	(449.896.795)	93.694.587
Thuế khác	-	172.370.645	(172.370.645)	-
TỔNG CỘNG	<u>2.224.620.133</u>	<u>5.033.308.453</u>	<u>(4.568.767.279)</u>	<u>2.689.161.307</u>

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Doanh thu chưa thực hiện từ cho thuê nhà và cho thuê đất	955.941.631	945.077.993
TỔNG CỘNG	<u>955.941.631</u>	<u>945.077.993</u>

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2021	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	134.899.672.226	885.659.923.810
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	15.585.979.931	15.585.979.931
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	150.485.652.157	901.245.903.741
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2022	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	167.643.887.191	918.404.138.775
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	17.003.697.328	17.003.697.328
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	184.647.584.519	935.407.836.103

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn cổ phần của Tập đoàn	443.642.740.000	443.642.740.000	-	443.642.740.000	-
Vingroup – Công ty CP	67.909.960.000	67.909.960.000	-	67.909.960.000	-
Vốn cổ phần của Nhà nước	167.546.900.000	167.546.900.000	-	167.546.900.000	-
Vốn cổ phần của cổ đông khác	71.821.151.584	71.821.151.584	-	71.821.151.584	-
Thặng dư vốn cổ phần	(160.500.000)	(160.500.000)	-	(160.500.000)	-
Cổ phiếu quỹ	750.760.251.584	750.760.251.584	-	750.760.251.584	-
TỔNG CỘNG	750.760.251.584	750.760.251.584	750.760.251.584	750.760.251.584	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	679.099.600.000	679.099.600.000
Số cuối kỳ	679.099.600.000	679.099.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cổ phiếu đăng ký phát hành	67.909.960	67.909.960
Cổ phiếu phổ thông	67.909.960	67.909.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	15.000	15.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000	15.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang được lưu hành	67.894.960	67.894.960
Cổ phiếu phổ thông	67.894.960	67.894.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng doanh thu	14.755.211.297	12.752.329.927
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán hàng hóa</i>	<i>7.862.087.064</i>	<i>6.949.586.940</i>
<i>Doanh thu từ cho thuê ghi nhận một lần</i>	<i>6.893.124.233</i>	<i>5.802.742.987</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	14.755.211.297	12.752.329.927
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>13.132.321.082</i>	<i>11.335.370.903</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>1.622.890.215</i>	<i>1.416.959.024</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi cho vay	24.546.575.343	24.546.575.343
Lãi tiền gửi	2.711.518.279	3.102.949.823
Doanh thu tài chính khác	10.114.567	7.836.111
TỔNG CỘNG	27.268.208.189	27.657.361.277

20.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	6.893.124.233	5.802.742.987
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	2.568.451.838	2.732.389.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.516.250.237	4.932.666.378
Giá vốn của dịch vụ cho thuê	2.568.451.838	2.732.389.210
TỔNG CỘNG	8.084.702.075	7.665.055.588

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	2.636.623.660	2.776.228.612
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.960.237	221.904.173
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	37.965.159	55.564.435
- Chi phí bán hàng khác	63.305.405	58.236.594
TỔNG CỘNG	2.898.854.461	3.111.933.814
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.146.496.908	7.303.687.054
- Chi phí nhân viên	1.906.442.533	1.951.679.925
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.232.870	410.560.232
- Thuế, phí, lệ phí	367.937.217	393.481.259
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	190.067.735	106.404.221
TỔNG CỘNG	9.775.177.263	10.165.812.691

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nguyên vật liệu	1.545.288.259	1.734.502.306
Chi phí nhân công	4.543.066.193	4.727.908.537
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và khấu hao bất động sản đầu tư	506.212.788	928.411.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.533.929.065	9.724.796.303
Chi phí khác	659.275.516	629.019.843
TỔNG CỘNG	16.787.771.821	17.744.638.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.285.895.968	3.912.269.654
TỔNG CỘNG	4.285.895.968	3.912.269.654

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.289.593.296	19.498.249.585
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	4.257.918.659	3.899.649.917
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	27.977.309	12.619.737
Chi phí thuế TNDN	4.285.895.968	3.912.269.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách công ty mẹ của Công ty và các công ty con Công ty nắm quyền kiểm soát trong kỳ là:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	1.414.891.548	1.414.891.548
		Tiền thuê nhà đã thu	1.482.190.932	2.223.286.398
		Chi phí in sách	211.900.000	382.507.810
		Chi phí in sách đã trả	830.222.000	145.538.591
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool ("Công ty Vinschool")	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	207.998.667	-
		Tiền bán hàng đã thu	189.271.000	121.184.800
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	-	2.067.476
		Tiền bán hàng đã thu	-	2.170.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, người mua trả tiền trước, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà đất	741.095.466	741.095.466
Công ty Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán hàng	28.460.400	-
			769.555.866	741.095.466
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khác	1.367.396	3.300.000
			1.367.396	3.300.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)</i>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Tạm ứng in sách	597.132.000	-
			597.132.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lương và thưởng	238.673.600	252.991.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.003.697.328	15.585.979.931
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.003.697.328	15.585.979.931
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	17.003.697.328	15.585.979.931
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.894.960	67.894.960
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	67.894.960	67.894.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	250	230

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản	Tổng cộng
Doanh thu theo lĩnh vực	7.862.087.064	6.893.124.233	14.755.211.297
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài</i>	7.862.087.064	6.893.124.233	14.755.211.297
Giá vốn các bộ phận	5.516.250.237	2.568.451.838	8.084.702.075
Kết quả	2.345.836.827	4.324.672.395	6.670.509.222
<i>Lợi nhuận góp trước thuế của bộ phận Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)</i>			14.619.084.074
<i>Lợi nhuận trước thuế Chi phí thuế TNDN</i>			21.289.593.296
Lợi nhuận thuần sau thuế			4.285.895.968
Tài sản và công nợ			17.003.697.328
<i>Tài sản bộ phận</i>	12.900.796.502	15.887.933.496	28.788.729.998
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>			916.783.132.552
Tổng tài sản			945.571.862.550
Công nợ bộ phận	5.102.291.778	2.161.413.362	7.263.705.140
<i>Công nợ không phân bổ (iii)</i>			2.900.321.307
Tổng công nợ			10.164.026.447

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Đơn vị tính: VND
Doanh thu			Tổng cộng
<i>Doanh thu từ bán hàng và dịch vụ ra bên ngoài</i>	6.949.586.940	5.802.742.987	12.752.329.927
Giá vốn các bộ phận	6.949.586.940	5.802.742.987	12.752.329.927
Kết quả	4.932.666.378	2.732.389.210	7.665.055.588
<i>Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận</i>	2.016.920.562	3.070.353.777	5.087.274.339
<i>Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)</i>			14.410.975.246
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>			19.498.249.585
<i>Chi phí thuế TNDN</i>			3.912.269.654
Lợi nhuận thuần sau thuế			15.585.979.931
Tài sản và công nợ			31.203.159.500
<i>Tài sản bộ phận</i>	15.793.215.653	15.409.943.847	883.228.628.639
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>			914.431.788.139
Tổng tài sản			13.185.884.398
<i>Công nợ bộ phận</i>	7.153.376.988	1.698.619.292	8.851.996.280
<i>Công nợ không phân bổ (iii)</i>			4.333.888.118
Tổng công nợ			13.185.884.398

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác;
- (ii) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn, và chi phí trả trước dài hạn;
- (iii) Công nợ không phân bổ bao gồm thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả người lao động, chi phí trích trước và các khoản phải trả ngắn hạn khác không phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại số 22A, 22B Hai Bà Trưng và 50A Hàng Bài, Thành phố Hà Nội làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê lại. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê nhà đất nêu trên đã hết hạn và Công ty đang trong quá trình thực hiện việc gia hạn các hợp đồng này với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại Kho Bãi Chám, huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng, Phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa gia hạn hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước.



Hàng năm, Công ty đã nộp tiền thuê đất cho các khu đất trên theo các thông báo của Cục Thuế thành phố Hà Nội.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

